

Bản án số:1597/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-09-2022
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hợi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thiếu Liên.
2. Ông Lê Văn Khanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Cương - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoài Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 09 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 703/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 05 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 311/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 07 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 244/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 08 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị N. Sinh năm: 1981.

Địa chỉ thường trú: thôn K, xã Đ, huyện S, tỉnh H. Tạm trú: 173 Trần T, khu phố 3, phường TA, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (bà N có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Lê Văn L. Sinh năm: 1982.

Địa chỉ thường trú: thôn K, xã Đ, huyện S, tỉnh H. Tạm trú: 26/2 đường C, khu phố 4, phường A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (ông L vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của đương sự tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

[1] Nguyên đơn bà Đinh Thị N trình bày: Bà và ông Lê Văn L chung sống với nhau từ năm 2006, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyền số 03/2006 do Ủy ban nhân dân xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình cấp ngày 10/11/2006. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, đời sống

vợ chồng không hòa hợp, đã nhiều lần tự hàn gắn nhưng không được, mục đích hôn nhân không đạt được. Đến tháng 12 năm 2021 thì hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thiện N, sinh ngày 01/03/2019, hiện trẻ N đang sống chung cùng ông L. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn L. Về con chung: bà đồng ý giao con chung Lê Thiện N cho ông Lê Văn L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

[2] Bị đơn ông Lê Văn L đã được Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng ông L vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Đinh Thị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Văn L vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, trình tự tố tụng và thủ tục tổng đạt, niêm yết, đồng thời đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đinh Thị N đối với ông Lê Văn L. Về con chung: Xét thấy, trẻ N đang sống chung với ông L và bà N đồng ý giao trẻ N cho ông L nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử giao trẻ N cho ông L nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống của trẻ. Về tài sản chung, nợ chung: các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Đinh Thị N làm đơn yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn L. Ông Lê Văn L có địa chỉ cư trú tại: 26/2 đường C, phường A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn bà Đinh Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Văn L đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng ông Lê Văn L vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 03/2006 do Ủy ban nhân dân xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình cấp cho ông Lê Văn L và bà Đinh Thị N ngày 10/11/2006 có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà N là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Đinh Thị N đối với ông Lê Văn L, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án đã nhiều lần mời ông L đến Tòa để hòa giải nhưng ông L vẫn vắng mặt chứng tỏ ông L không có thiện chí hòa giải, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà N. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2021 đến nay, vợ chồng không có sự chia sẻ, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N và ông L đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy xét yêu cầu xin ly hôn của bà N là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên: Lê Thiện N, sinh ngày 01/03/2019. Xét thấy, hiện trẻ N đang sống chung cùng ông L, do ông L chăm sóc và nuôi dưỡng, bà N cũng đồng ý để cho ông L được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung Lê Thiện N, do đó không cần thiết thay đổi cuộc sống hiện tại của trẻ N, cần tiếp tục giao trẻ N cho ông L được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là phù hợp. Phần cấp dưỡng nuôi con, ông L không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà Đinh Thị N xác nhận không có nợ chung.

[3] Về án phí: Bà Đinh Thị N chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đinh Thị N, đồng thời đề nghị giao con chung Lê Thiện N cho ông Lê Văn L được trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 233, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị N.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị N được ly hôn với ông Lê Văn L. Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 03/2006 do Ủy ban nhân dân xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình cấp cho ông Lê Văn L và bà Đinh Thị N ngày 10/11/2006 không còn giá trị pháp luật kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Có 01 con chung tên: Lê Thiện N, sinh ngày 01/03/2019. Giao cho ông Lê Văn L được trực tiếp nuôi con chung Lê Thiện N. Phần cấp dưỡng nuôi con, ông L không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Bà Đinh Thị N có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3 Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

1.4 Về nợ chung: Bà Đinh Thị N xác nhận không có nợ chung.

2. Về án phí: Bà Đinh Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0033993 ngày 05/05/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đinh Thị N đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hợi